

NGUY CƠ TƯƠNG TÁC TRÊN MẠNG XÃ HỘI ĐỐI VỚI THANH THIẾU NIÊN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Trần Thành Nam
Hội Khoa học Tâm lý - Giáo dục Việt Nam

Tóm tắt: Hiện nay, với hơn 70 triệu tài khoản MXH được kích hoạt tại Việt Nam, các MXH đang ảnh hưởng rất lớn đến đời sống xã hội đặc biệt là thanh thiếu niên. Mặc dầu chúng ta đã có những nghiên cứu khảo sát ban đầu về ảnh hưởng của MXH đến hành vi của giới trẻ nhưng chưa có những bài viết mang tính chất điểm luận hệ thống về những khuôn mẫu hành vi tương tác trên MXH, những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của MXH đến thanh thiếu niên. Bài viết này tập hợp một số nghiên cứu lý luận và thực tiễn để làm rõ bức tranh thực trạng hành vi tương tác trên MXH của thanh thiếu niên, làm rõ các nguy cơ để đưa ra một số khuyến nghị. Trên cơ sở nghiên cứu đó, bài viết đề xuất một số kiến nghị, giải pháp định hướng sử dụng mạng xã hội an toàn đối với thanh thiếu niên.

Từ khóa: mạng xã hội; thanh thiếu niên; tương tác; thực trạng; giải pháp

RISKS OF SOCIAL MEDIA INTERACTION FOR ADOLESCENTS - CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Tran Thanh Nam
Vietnam Psycho-Pedagogical Association

Abstract: Currently, with over 70 million activated social media accounts in Vietnam, social media platforms are having a significant impact on social life, especially among adolescents. Although we have had some preliminary studies on the influence of social media on youth behavior, there have been no systematic articles discussing patterns of interaction behavior on social media, as well as the positive and negative effects of social media on adolescents. This article gathers theoretical and practical studies to clarify the current landscape of adolescent interaction behavior on social media, identifying risks and providing recommendations. Based on this research, the article proposes recommendations and solutions to guide the safe use of social media for adolescents.

Keywords: social media; adolescents; interaction; landscape; solutions

Nhận bài: 29/1/2024

Phản biện: 5/3/2024

Duyệt đăng: 8/3/2024

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo thống kê gần đây nhất của We are social vào tháng 1 năm 2023, Việt Nam có 98,53 triệu người thì có 77,93 triệu người hiện đang sử dụng internet, có 70 triệu tài khoản mạng xã hội được kích hoạt và có 161,6 triệu sim điện thoại di động được kích hoạt. Thời gian sử dụng internet trung bình của một

người Việt Nam là 6 tiếng 23 phút hàng ngày.

Các nền tảng mạng xã hội hàng đầu ở Việt Nam là Facebook, Youtube, Zalo, Tiktok với số người sử dụng tương ứng là 98%, 89%, 74% và 72%. Ngoài ra, Instagram, Twitter, Pinterest cũng đang thu hút nhiều người sử dụng, đặc biệt phổ biến hơn với thế hệ Z (nhóm sinh từ khoảng 1997 - 2010). Mạng

xã hội đóng vai trò khá quan trọng với công việc khi 58% người dùng mạng xã hội cho mục đích công việc/ học tập/ kết nối xã hội. Bên cạnh các mạng xã hội xuyên biên giới phổ biến, ở Việt Nam còn có rất nhiều các mạng xã hội nhỏ ở trong nước, chủ yếu dưới dạng các diễn đàn (forum) như Otofun, Tinh tế, Web trẻ thơ, Làm cha mẹ, v.v. Gần đây, một số mạng xã hội mới được ra đời như Hahalolo, Gapo, Lotus, v.v. Tuy nhiên, điểm chung là các diễn đàn, mạng xã hội trong nước còn khá nhỏ và ít người dùng hơn rất nhiều so với các mạng xã hội xuyên biên giới (trừ Zalo).

Chính vì vậy, việc nghiên cứu các xu hướng giao tiếp qua mạng xã hội của thanh thiếu niên hiện nay để chỉ ra những thực trạng, thách thức và nguy cơ rất cần thiết. Bài viết này tổng quan điểm luận các bằng chứng nghiên cứu đi trước làm nền tảng từ đó đề xuất chính sách và đưa ra những định hướng giáo dục một cách phù hợp trong bối cảnh hiện nay.

II. TỔNG QUAN VỀ MẠNG XÃ HỘI VÀ VẤN ĐỀ TƯƠNG TÁC TRÊN MẠNG XÃ HỘI

Khái niệm mạng xã hội được sử dụng trong bài viết này được định nghĩa là một xã hội ảo với hai thành tố chính tạo nên đó là các thành viên và liên kết giữa các thành viên đó. Mạng xã hội là dịch vụ Internet cho phép kết nối các thành viên cùng sở thích không phân biệt không gian và thời gian qua những tính năng như kết bạn, chat, email, phim ảnh... nhằm đáp ứng nhu cầu của cộng đồng mạng và mang những giá trị xã hội nhất định.

Mạng xã hội có những tính năng như gọi nghe trực tiếp, gọi qua video, email, phim ảnh, chia sẻ blog và xã luận. Mạng xã hội ra đời giúp mọi người liên kết với nhau thuận tiện hơn, trở thành một phần tất yếu của mỗi người cho hàng trăm triệu thành viên khắp thế giới. Các dịch vụ này có nhiều cách để tìm kiếm bạn bè, đối tác dựa theo group như tên trường hoặc tên thành phố hoặc dựa trên thông tin cá nhân như (địa chỉ e-mail) hoặc nick name để tìm kiếm bạn bè

2.1. Kết quả từ những nghiên cứu đi trước trên thế giới:

Những báo cáo nghiên cứu đi trước cho thấy giới trẻ ngày nay đang sử dụng công nghệ theo nhiều cách khác nhau, từ nhắn tin, gửi email, chơi game trực tuyến và đăng bài qua nhiều công Internet. Ở Hoa Kỳ và những người từ 18–29 tuổi, tương ứng 88% và 99% sử dụng mạng xã hội. Tính đến năm 2017, khoảng 95% người Mỹ trưởng thành có điện thoại di động và 77% là điện thoại thông minh. Mạng xã hội cho phép mọi người chia sẻ kết nối, theo dõi tiến trình và tạo / thao tác văn bản, âm thanh, ảnh hoặc video đang phát triển theo cấp số nhân. Thanh thiếu niên Mỹ (từ 13 đến 17 tuổi) dành trung bình 6 tiếng rưỡi và các thanh thiếu niên dành trung bình 4 tiếng rưỡi cho việc sử dụng mạng xã hội. Các khía cạnh tích cực của công nghệ đối với giới trẻ bao gồm có thể tự do nói nhiều hơn (tìm tiếng nói/cộng đồng của mình) trực tuyến, học tập / tăng kiến thức, giao tiếp / tương tác với người khác và khám phá sáng tạo. Thanh thiếu niên cũng cởi mở với việc sử dụng công nghệ để đánh giá và can thiệp trong chăm sóc sức khỏe, chẳng hạn như công nghệ dựa trên web hỗ trợ thanh thiếu niên có các triệu chứng trầm cảm và dịch vụ nhắn tin văn bản như một biện pháp can thiệp cho bệnh béo phì ở tuổi vị thành niên hoặc suy nghĩ tự tử.

Kết nối mạng xã hội đang thúc đẩy các hoạt động trực tuyến bền bỉ hơn, liên kết mạnh hơn, phổ biến hơn: 45% thanh thiếu niên hiện nay nói rằng họ trực tuyến trên cơ sở gần như liên tục. Đối với thanh thiếu niên, sử dụng Internet giao tiếp trực tuyến là cách quan trọng nhất (Subrahmanyam, Greenfield, Kraut, & Gross, 2001; Gross, 2004; Šmahel, & Machovcová, 2006) và các ứng dụng giao tiếp phổ biến bao gồm, e-mail, nhắn tin nhanh (riêng tư, trò chuyện trực tiếp, dựa trên văn bản), phòng trò chuyện (hệ thống liên lạc cho phép trò chuyện dựa trên văn bản giữa nhiều người dùng) và kết nối mọi người với nhau bao

gồm blog (www.livejournal.com), MySpace và Facebook.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng giao tiếp trực tuyến cung cấp cho họ nhiều cơ hội để khám phá bản sắc của mình, tìm kiếm hỗ trợ thông tin về các vấn đề nhạy cảm về mặt phát triển, đồng thời phát triển các mối quan hệ chặt chẽ và có ý nghĩa. Thanh thiếu niên học và luyện tập cách tự trình bày và bộc lộ bản thân khi giao tiếp trực tiếp, thường là với bạn bè đồng trang lứa và bạn thân. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cho thấy rằng việc tự trình bày và bộc lộ bản thân - đặc biệt là với đồng nghiệp và bạn thân ngày càng diễn ra nhiều hơn trên mạng xã hội thông qua giao tiếp trực tuyến.

- Khả năng tiếp cận

Thanh thiếu niên luôn tìm đến các mạng xã hội để biết thông tin liên quan đến danh tính, sự gần gũi và tình dục. Có thể dễ dàng chọn đối tượng và đối tác giao tiếp của mình và chia sẻ ý tưởng với những người cùng chí hướng. Khả năng tiếp cận dễ dàng với mọi người, chẳng hạn như trên các trang mạng xã hội, cho phép thanh thiếu niên tương tác với những người bạn đồng trang lứa mà họ có thể đã lâu không gặp hoặc những người mà họ không thể gặp dễ dàng trong đời. Tương tự, thanh thiếu niên có thể truyền bá thông tin về bản thân giữa nhiều người một cách thuận tiện.

Tương tự như các tính năng khác của Internet, mạng xã hội, khả năng truy cập cao. Nó cho phép thanh thiếu niên hình thành tình bạn thân thiết với những thanh thiếu niên mà chúng không dễ gặp trong cuộc sống ngoài tuyến của mình và tìm kiếm sự hỗ trợ từ những người bạn đồng lứa có cùng trải nghiệm (ví dụ: trong các nhóm hỗ trợ trực tuyến liên quan đến sức khỏe). Ngược lại, họ có thể dễ dàng tương tác với những người mà nhiều người trưởng thành có thể không coi là không thích hợp cho thanh thiếu niên và trở thành mục tiêu của những lời gạ gẫm trực tuyến không mong muốn

- Chất lượng của tình bạn hiện có

Nghiên cứu về ảnh hưởng của giao tiếp trực tuyến đến chất lượng tình bạn hiện có của thanh thiếu niên cũng xoay quanh hai giả thuyết. Giả thuyết dịch chuyển nói rằng giao tiếp trực tuyến làm giảm chất lượng bạn bè hiện tại của thanh thiếu niên, vì nó làm mất thời gian có thể dành cho những tương tác có ý nghĩa hơn với những người bạn ngoài tuyến, phần lớn thời gian dành cho giao tiếp trực tuyến được sử dụng để duy trì và làm sâu sắc thêm tình bạn hiện có, điều này cuối cùng nâng cao sự gần gũi của họ.

- Hình thức, phương thức giao tiếp trực tuyến

Giao tiếp trực tuyến đề cập đến một số cách giao tiếp thông qua các công nghệ điện tử và Internet mới, chẳng hạn như tin nhắn ngắn tức thì hoặc nền tảng mạng xã hội. Nghiên cứu của HBSC cho thấy giao tiếp trực tuyến đã trở thành một phần trọng tâm của cuộc sống ở lứa tuổi vị thành niên, cho phép họ giữ liên lạc với các đồng nghiệp bất kể thời gian và không gian và thanh thiếu niên 15 tuổi giao tiếp trực tuyến thường xuyên hơn thanh thiếu niên 11 tuổi và trẻ em gái sử dụng các phương tiện trực tuyến này thường xuyên hơn trẻ em trai (Currie et al., 2012). Tại Tây Ban Nha, Garcia, Lopez de Ayala và Catalina (2013) đã thực hiện một cuộc khảo sát với mẫu đại diện quốc gia và kết luận rằng khoảng 75% thanh thiếu niên từ 12 đến 17 tuổi sử dụng mạng xã hội rất thường xuyên. Trong một nghiên cứu được thực hiện ở Andalusia (Tây Ban Nha), Bernal và Angulo (2013) kết luận rằng thanh thiếu niên sử dụng mạng xã hội tốt hơn để giao tiếp với bạn bè của họ và giữ liên lạc với bạn bè, gia đình và các nhóm trong xã hội. Do đó, internet, mạng xã hội tạo thành một công cụ quan trọng cho giao tiếp và tương tác xã hội và đáng được các nhà nghiên cứu quan tâm hơn, đặc biệt là trong giai đoạn thanh thiếu niên chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành.

Nhấn tin là phương tiện giao tiếp chính của thanh thiếu niên trong độ tuổi 12-17. Thanh

thiếu niên nhắn tin thường xuyên hơn là nói chuyện trên điện thoại di động, nói chuyện trực tiếp, sử dụng tin nhắn tức thì, gửi e-mail hoặc truy cập các trang mạng xã hội. Trong một cuộc khảo sát gần đây của Pew về việc sử dụng Internet ở Hoa Kỳ, thanh thiếu niên lên mạng hàng ngày (92%), vài lần một ngày (56%) đến gần như liên tục (24%). Xu hướng gần đây từ năm 2018 cho thấy nền tảng trực tuyến mà thanh thiếu niên sử dụng thường xuyên nhất là Facebook (35%), tiếp theo là YouTube (32%) và Instagram (15%).

Một nghiên cứu khác được thực hiện bởi Hamburger, Kingsbury và Schneider (2013), xem xét sự phát triển tình bạn thông qua internet. Nghiên cứu kết luận rằng 'tình bạn' có thể có nhiều ngữ cảnh hoặc ý nghĩa khác nhau tùy thuộc vào phương tiện ngoại tuyến hoặc trực tuyến. Pierce (2009) đã đưa ra một cái nhìn thú vị trong nghiên cứu của cô ấy về chứng lo âu xã hội và công nghệ. Trong khía cạnh giao tiếp trực tuyến, Pierce (2009) liên hệ với vấn đề lo lắng xã hội. Những người mắc chứng lo âu xã hội sẽ thích giao tiếp trực tuyến hơn vì họ không thoải mái khi giao tiếp trực tiếp. Có 56% người được hỏi thích giao tiếp trực tuyến hơn các phương pháp giao tiếp truyền thống trong khi 44% người được hỏi không thích giao tiếp trực tuyến. Có 45% những người được hỏi cũng tin rằng giao tiếp trực tuyến sẽ thay thế các phương pháp giao tiếp truyền thống.

Một nghiên cứu được thực hiện bởi Mesch (2009) ông xem xét sự phát triển của các mối quan hệ trong các kênh giao tiếp như mặt đối mặt và các kênh trực tuyến. Nghiên cứu được thực hiện đã kết luận rằng nguồn gốc chính của mối quan hệ rất quan trọng trong việc quyết định sử dụng kênh giao tiếp nào, chẳng hạn như khi liên quan đến gia đình, phương pháp giao tiếp 'mặt đối mặt' sẽ được ưu tiên hơn so với trực tuyến.

Ellison, Steinfield và Lampe (2007) cho rằng Facebook được sử dụng để duy trì các mối quan hệ ngoại tuyến hiện có hoặc củng cố

các kết nối ngoại tuyến, thay vì gặp gỡ những người mới và cách tương tác trực tuyến giao tiếp với những tương tác ngoại tuyến. Lampe, Ellison và Steinfield (2006) nhận thấy rằng người dùng Facebook tham gia vào việc "tìm kiếm" những người mà họ có kết nối ngoại tuyến nhiều hơn so với việc họ "duyet" để gặp gỡ những người hoàn toàn xa lạ. Tương tự như vậy, nghiên cứu của Pew cho thấy 91% thanh thiếu niên Hoa Kỳ sử dụng SNS để kết nối với bạn bè (Lenhart & Madden, 2007). Choi (2006) nhận thấy rằng 85% số người được hỏi trong nghiên cứu "liệt kê việc duy trì và củng cố các mạng xã hội từ trước là động cơ chính để họ sử dụng Cyworld". Tương tự như vậy, Boyd (2008) lập luận rằng MySpace và Facebook cho phép thanh thiếu niên Hoa Kỳ giao lưu với bạn bè của họ ngay cả khi họ không thể tụ tập trong các tình huống không được giải quyết.

- Nghiên cứu về mối quan hệ xã hội thông qua giao tiếp trực tuyến

Các nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng thanh thiếu niên sử dụng Internet không chỉ để duy trì các mối quan hệ xã hội với người thân, bạn bè ở xa mà còn để tạo ra những mối quan hệ mới trên mạng; một số tình bạn này trở nên hòa nhập vào vòng kết nối xã hội của họ. Các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào tác động của Internet đối với các mối quan hệ hiện có hoặc bản chất của các mối quan hệ chỉ trực tuyến, do đó, các nghiên cứu so sánh chất lượng của các mối quan hệ trực tuyến và mặt đối mặt còn thiếu. Chất lượng của các mối quan hệ xã hội phụ thuộc vào thời lượng và sự đa dạng của các chủ đề và hoạt động được thực hiện cùng nhau. Thời gian rất quan trọng vì nó tạo điều kiện cho sự phát triển của lịch sử và bản sắc được chia sẻ chung. Sự gần gũi phát triển thông qua việc tham gia vào các hoạt động chung và thảo luận về các vấn đề đa dạng mà cá nhân quan tâm. Khi tỷ lệ hộ gia đình trong dân số các nước phương Tây tiếp cận với Internet ngày càng tăng, Internet ngày càng trở nên

tích hợp hơn trong cuộc sống hàng ngày của các cá nhân, bao gồm cả việc hình thành và duy trì các mối quan hệ xã hội thân thiết và không thân thiết (Wellman và Giulia, 1999; Haythornthwaite và Wellman, 2002).

Các kết quả về tác động của Internet đối với các mối quan hệ hiện tại là khác nhau. Một số nhận thấy sự giảm bớt sự tham gia vào các mối quan hệ trước đây (Kraut và cộng sự, 1999, Nie và cộng sự, 2002) đã chỉ ra rằng việc sử dụng Internet không ảnh hưởng đến việc tham gia vào các mối quan hệ thân thiết và cộng đồng (Katz và Rice, 2002; Hampton và Wellman, 2003; Mesch và Levanon, 2003) và thậm chí hỗ trợ và duy trì các mối quan hệ với bạn bè và gia đình sau khi chuyển đến một địa điểm mới (Cummins và cộng sự, 2004). Các nghiên cứu khác chỉ giới hạn trong việc nghiên cứu các mối quan hệ xã hội trực tuyến, ghi lại sự tồn tại của các mối quan hệ hỗ trợ, thân mật và cá nhân trên mạng (McKenna và Bargh 1998; Walther và Boyd, 2002).

Gần đây, bằng chứng thực nghiệm đã chỉ ra rằng các cá nhân sử dụng Internet không chỉ cho các mối quan hệ chặt chẽ hiện có mà còn để tạo ra các mối quan hệ mới trong đó có sự đồng hành, hỗ trợ xã hội và trao đổi thông tin. Trong một số trường hợp, các mối quan hệ trực tuyến này trở thành mối quan hệ xã hội trực tiếp của người dùng Internet (Parks và Floyd, 1996; Hampton và Wellman, 2002; Mesch và Levanon, 2003; Wolak và cộng sự, 2003; Mesch và Talmud, Năm 2004).

Các mối quan hệ cá nhân ở tuổi vị thành niên

Nghiên cứu đã chỉ ra các mối quan hệ xã hội trong thời kỳ thanh thiếu niên. Trong thời kỳ này, các mối quan hệ xã hội bên ngoài gia đình mở rộng và chất lượng của chúng có liên quan đến các kết quả hành vi khác nhau (Giordano, 2003). Tương tác xã hội với đồng nghiệp để học hỏi và hoàn thiện các kỹ năng cảm xúc xã hội cần thiết cho các mối quan hệ lâu dài. Thông qua tương tác với bạn bè đồng trang lứa, thanh thiếu niên học cách hợp tác, trao đổi những quan điểm khác nhau và để

thỏa mãn nhu cầu thân mật ngày càng tăng (Rubin và cộng sự, 1998; Crosnoe, 2000). Những thanh thiếu niên cho biết có bạn bè sẽ tự tin hơn, vị tha hơn và ít hung hăng hơn, và thể hiện sự tham gia nhiều hơn vào học đường và định hướng công việc (Hartup và Stevens, 1997).

Youniss và Smollar (1985) đã lập luận rằng bạn bè thân thiết và dễ chấp nhận hơn cha mẹ, những người nhất thiết phải hướng về tương lai nhiều hơn và quan tâm hơn đến những hậu quả tiêu cực có thể xảy ra do hành vi của con họ và giải thích mức độ bộc lộ bản thân cao và sự tin tưởng lẫn nhau thường phát triển lần đầu tiên ở lứa tuổi này, và đó là đặc điểm của mối quan hệ bạn bè thân thiết (Giordano, 2003). Theo nghĩa đó, các mối quan hệ cá nhân đối với thanh thiếu niên là một kiểu hỗ trợ xã hội. Những người được nhiều tình bạn hỗ trợ hơn được chứng minh là có lòng tự trọng cao hơn, ít bị trầm cảm hoặc các rối loạn cảm xúc khác và dễ thích nghi với trường học hơn những thanh thiếu niên có ít tình bạn hỗ trợ hơn (Berndt và cộng sự, 1989; Hartup và Stevens, 1997; Collins và cộng sự, 1999; Beraman và Moody, 2004).

Bản chất của tương tác xã hội và sức mạnh của mối quan hệ

Tình bạn được phân biệt với các loại mối quan hệ xã hội khác vì sự tiếp xúc với bạn bè nhiều hơn. Cường độ thường là một tính năng mô tả lịch sử của mối quan hệ và đề cập đến thời gian của nó (Lee và Campbell, 1992). Đặc điểm trung tâm của tình bạn là sự chia sẻ kinh nghiệm xác định cảm giác thân thuộc và bản sắc được chia sẻ. Ngoài ra, sự phát triển các đặc điểm trung tâm của tình bạn như sự tin tưởng và có đi có lại ít nhất là một phần mang tính thời gian. Sự tin tưởng phát triển thông qua quá trình tiết lộ thông tin cá nhân lẫn nhau và điều này đòi hỏi thời gian. Một khía cạnh quan trọng khác là nội dung của một mối quan hệ. Khác với các mối quan hệ chính thức, trong đó tương tác xã hội là một phần và dựa trên địa vị xã

hội, tình bạn mang tính tổng thể hơn. Bạn bè khác với đồng nghiệp hoặc người thân ở chỗ bạn bè không bị giới hạn trong một vài chủ đề trò chuyện hoặc một vài hoạt động chia sẻ. Làm bạn là ở bên nhau và nói về bất cứ điều gì. Theo nghĩa đó, một khái niệm quan trọng là tính đa hợp, một khái niệm mô tả nội dung của các mối quan hệ. Sự đa dạng cho thấy rằng một mối quan hệ bền chặt hơn khi sự ràng buộc giữa hai người bao gồm nhiều hoạt động hoặc chủ đề trò chuyện hơn là một hoạt động đơn lẻ hoặc chủ đề được chia sẻ. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tính đa hợp cao hơn giữa những người bạn có nền tảng xã hội giống nhau như tuổi tác, giới tính và dân tộc (Stoller và cộng sự, 2001). Nói cách khác, sự giống nhau về nền tảng hoặc đồng tính luyện ái làm tăng khả năng ghép kênh. Những cá nhân chia sẻ đặc điểm trạng thái có nhiều khả năng có nhiều chủ đề để nói và các hoạt động để tham gia. Trong khi một số nghiên cứu cho rằng, tính đa hợp đã được sử dụng như một đại diện cho sức mạnh ràng buộc (Stoller và cộng sự, 2001), các tác giả này đã chỉ ra rằng cường độ cảm xúc, được biểu thị bằng các thước đo của sự gần gũi và tin tưởng, là thước đo tốt nhất cho sức mạnh của sự ràng buộc.

Sự tương đồng xã hội và bản chất của các mối quan hệ xã hội

Các nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, duy trì các mối quan hệ xã hội gần gũi đã nhấn mạnh tầm quan trọng của tính tương đồng xã hội (Hartup và Stevens, 1997; Maccoby, 1998; McPherson và cộng sự, 2002). Quan niệm này cho rằng “sự tiếp xúc và hình thành tình bạn giữa những cá nhân giống nhau xảy ra với tỷ lệ cao hơn so với những cá nhân khác nhau” (McPherson và cộng sự, 2002). Xã hội sự giống nhau là kết quả của các cơ hội tương tác xuất hiện từ cấu trúc xã hội của các hoạt động trong xã hội khiến các cá nhân tiếp xúc với nhau.

Sự tương đồng xã hội là một biến số ngoại sinh phản ánh cả cơ hội tiếp xúc lẫn nhau và lựa

chọn tình bạn, và do đó, định hình nội dung và chất lượng của mối quan hệ đang được tạo ra. Theo nghĩa đó, sự tương đồng về mặt xã hội giữa những người bạn là thường xuyên vì nó mang lại những phần thưởng quan trọng. Các cá nhân tương tự có khả năng tham gia vào các hoạt động chung thú vị với những người khác có cùng sở thích, do đó nhận được sự xác thực về thái độ và niềm tin của họ. Việc tham gia vào các hoạt động giống nhau làm tăng tần suất và thời gian tương tác xã hội. Hơn nữa, sự tương đồng có liên quan đến mối quan hệ bền vững và bền chặt (Hallinan và Kubitschek, 1988). Các mối quan hệ có xu hướng không ổn định và có nhiều khả năng chấm dứt khi các cá nhân chuyển sang các mối quan hệ khác có sự tương đồng lớn hơn (Hallinan và Kubitschek, 1988).

- Chia sẻ, trao đổi kiến thức thông qua giao tiếp trực tuyến

Chia sẻ, trao đổi kiến thức chủ yếu được nghiên cứu trong các nhóm làm việc ảo. Nhóm ảo là những nhóm cá nhân không thích hợp về mặt địa lý; trong trường hợp là các tổ chức kinh doanh, họ thường là nhân viên trong các đơn vị tổ chức khác nhau được tạo ra và kết hợp một cách linh hoạt bởi các công nghệ thông tin hiện đại (ví dụ: email hoặc trò chuyện dựa trên web) để hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể trong tầm tay (Hertel, Geister, & Konradt, 2005). Trong phạm vi tổ chức, các mạng ảo được chính thức tạo ra bởi người lãnh đạo của một đơn vị hữu cơ trong thời gian thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Bên ngoài bối cảnh tổ chức, các cá nhân cũng hợp tác trong các cộng đồng trực tuyến chẳng hạn như các dự án mới mà không được người giám sát phụ trách chính thức giao nhiệm vụ.

Dựa trên công nghệ wiki (Leuf & Cunningham, 2001) bất kỳ ai có quyền truy cập Internet đều có thể thêm hoặc sửa đổi các bài báo mà không cần chuyên môn kỹ thuật rõ ràng. Bất chấp các rào cản gia nhập cấp thấp đối với việc chia sẻ bí quyết về mặt tác giả của các bài báo mới, việc đóng góp nội dung tích

cực vẫn còn khá khan hiếm. So với khoảng 350 triệu độc giả thường xuyên mỗi tháng, chỉ có khoảng một triệu cá nhân sửa bài (West, 2010). Hơn nữa, một nhóm cốt lõi chỉ có 10% tổng số tác giả chịu trách nhiệm cho hơn 90% tất cả các đóng góp mới (Ortega, Gonzalez-Barahona, & Robles, 2008). Mặc dù tỷ lệ này giảm dần trong những năm gần đây, phần lớn công việc vẫn được thực hiện bởi một nhóm nhỏ các cá nhân tích cực cao (Kittur, Chi, Pendleton, Suh, & Mytkowicz, 2007).

Chia sẻ các kiến thức của bản thân và trong xã hội

Chia sẻ kiến thức là một quá trình giao tiếp giữa hai hoặc nhiều cá nhân được đặc trưng bởi sự trao đổi kiến thức cá nhân để tạo ra kiến thức mới (Van den Hoof & de Ridder, 2004). Nhiều yếu tố có thể ảnh hưởng đến mức độ chia sẻ bí quyết trong cộng đồng và nhóm ảo. Ở cấp độ cá nhân, chúng bao gồm một số đặc điểm tính trù tượng (Matzler, Renzl, Müller, Herting, & Mooradian, 2008) và cả các nguồn động lực khác (Lin, 2007). Lần tìm kiếm trước đây chỉ ra rằng những cá nhân có hồ sơ tính cách tương đối ổn định, tức là có tính dễ chịu và tận tâm cao (Matzler và cộng sự, 2008; Mooradian, Renzl, & Matzler, 2006), có nhiều khả năng chia sẻ kiến thức của họ với người khác hơn những người thấp về những đặc điểm này. Trong phần sau, chúng tôi đề xuất hai khung thay thế cho việc nghiên cứu tính cách và chia sẻ kiến thức trong cộng đồng ảo: lý thuyết lan tỏa (Rogers, 2003) và khái niệm định hướng giá trị xã hội (Van Lange và cộng sự, 1997).

2.2. Kết quả từ những nghiên cứu tại Việt Nam

Những nghiên cứu về mạng xã hội tại Việt Nam trong hơn 20 năm xuất hiện từ năm 1997 đến 2019. Theo số liệu của ComScore đã công bố về thị trường trực tuyến tại Việt Nam và châu Á, trong hơn 30 triệu người sử dụng mạng xã hội tại Việt Nam có 87,5% đã và đang sử dụng các mạng xã hội, đa số là những người trẻ tuổi, nằm trong độ tuổi 15-34 (khoảng 71%). Giới

trẻ Việt Nam sử dụng các mạng xã hội có độ phủ sóng toàn cầu như Facebook, Instagram, Youtube, Twitter, Myspace... và một số mạng nội địa như Zingme, Go.vn, Yume.vn... với nhiều tiện ích đáp ứng được các nhu cầu hết sức đa dạng: kết nối - giao tiếp, tìm kiếm thông tin, học tập, giải trí, kinh doanh... của thanh niên.

Trong cuộc điều tra năm 2017 trên 600 bạn trẻ (11-30 tuổi) tại Hà Nội và tỉnh Lào Cai với các mẫu khảo sát thuộc cả khu vực thành thị và nông thôn đã cho thấy sự tiếp tục thống trị của Facebook (87,3%) cũng như vị trí của các mạng xã hội khác đang hoạt động ở Việt Nam. Youtube với tính năng hỗ trợ xem và chia sẻ video hiện là trang mạng có lượng người dùng lớn thứ hai ở Việt Nam sau Facebook (56,3%); đứng thứ ba là Instagram (24,5%); Zingme (16,8%); các mạng Viber, Zalo chiếm tỷ lệ 10% và sau cùng là các mạng xã hội chiếm tỷ lệ thấp về người dùng như Twitter, Myspace, Gov.vn. Ngoài ra, kết quả khảo sát về thời gian sử dụng mạng xã hội tại thời điểm năm 2017 của thanh, thiếu niên cũng phần nào cho thấy sự phổ biến của các trang mạng xã hội trong đời sống sinh hoạt, học tập và làm việc của giới trẻ: phần lớn thanh, thiếu niên đã sử dụng mạng xã hội trên 4 năm (43,8%), chiếm tỷ lệ cao thứ hai là từ 2-4 năm (34,2%), từ 1-2 năm (17,5%) và dưới 1 năm chiếm tỷ lệ thấp nhất (4,5%).

Tần suất sử dụng mạng xã hội của thanh thiếu niên đang có xu hướng ngày càng gia tăng, giới trẻ đang có xu hướng truy cập mạng xã hội nhiều nhất thông qua điện thoại di động thông minh (85,3%). Ngoài ra, thanh, thiếu niên còn truy cập mạng xã hội từ các thiết bị công nghệ khác như: máy tính xách tay (24%), máy tính để bàn (20,5%), hoặc máy tính bảng (6,8%). Phần lớn đối tượng được khảo sát đều cho biết nơi truy cập mạng xã hội phổ biến nhất của họ chính là trên bàn làm việc tại văn phòng, cơ quan và ngay cả ở trường học.

Tại Việt Nam, đã có một số nghiên cứu về việc sử dụng Internet của thanh niên. Bùi

Hoài Sơn (2006) đã tìm hiểu thực trạng sử dụng Internet của thanh thiếu niên Hà Nội và phân tích những tác động tích cực lẫn tiêu cực của Internet đối với người trẻ. Ở cuốn sách tiếp theo, Bùi Hoài Sơn (2008) tìm hiểu về phương tiện truyền thông mới và những ảnh hưởng của chúng tới những khía cạnh khác nhau trên bình diện lớn hơn trong đời sống tại Việt Nam. Trong cuốn *Internet: Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc của Nguyễn Thị Phương Châm* (2013) tác giả đã xem xét hiện trạng sử dụng Internet, xây dựng mạng lưới xã hội và tiến tới lý giải nhu cầu thể hiện cái tôi cá nhân và bản sắc nhóm trong bức tranh toàn cảnh về văn hóa mạng của thanh thiếu niên đô thị. Cuốn *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh* do Nguyễn Thị Hậu chủ biên (2013) tập hợp các bài viết tiếp cận từ nghiên cứu xã hội học về ba nhóm chủ đề: (i) sự ra đời, phát triển và vai trò của mạng xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như tại Việt Nam; (ii) ảnh hưởng của mạng xã hội đến lối sống của giới trẻ tại địa bàn nghiên cứu; và (iii) những đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng mạng xã hội. Điểm chung các nghiên cứu kể trên là được thực hiện với đối tượng thanh thiếu niên ở các khu vực đô thị. Một phân tích từ góc nhìn nhân học của Phạm Quỳnh Phương và cộng sự (2017) đã cho thấy những phương thức liên lạc hiện đại (Internet và mạng xã hội) là một trong những yếu tố thúc đẩy hiện tượng kết hôn trẻ em. Trong báo cáo *Thanh thiếu niên online: Tiếp cận Internet và việc sử dụng mạng xã hội của giới trẻ Việt Nam* được tổ chức ChildFund tại Việt Nam thực hiện năm 2017 với sự tham gia của thanh thiếu niên dân tộc thiểu số tại ba tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn và Hòa Bình đã cung cấp lý do thể hệ trẻ có xu hướng thể hiện bản thân và giao tiếp với những người khác trong không gian mạng ngày một nhiều; và (2) những đáp ứng về nhu cầu thể giới online mang lại mà thể giới offline không cung cấp được.

Lê Thu Quỳnh (2003) nghiên cứu đã đánh

giá được những vấn đề hệ quả và hệ lụy của mạng xã hội, đề xuất giải pháp phát triển, mô hình lý tưởng cho một mạng xã hội tại Việt Nam. Ngô Lan Hương (2006) tập trung vào việc nghiên cứu quá trình đưa – tiếp nhận thông tin trong lĩnh vực văn hóa, giải trí lên các trang mạng xã hội nổi tiếng và có nhiều người truy cập nhất hiện nay trong phạm vi 2 trang mạng xã hội chủ yếu: Facebook và Twitter. Kết quả nghiên cứu đã đánh giá và kết luận mang tính định hướng trong việc phát triển mạng xã hội nhằm khai thác một cách tối đa hiệu quả của nó trong việc lan truyền thông tin trên lĩnh vực văn hóa – giải trí.

Hoàng Thị Hải Yến (2012), đã làm rõ những vấn đề lý thuyết chung về mạng xã hội, thực trạng trao đổi thông tin của giới trẻ Việt Nam trên mạng xã hội từ năm 2010 – 2011 qua khảo sát thông tin và người dùng ở 3 trang mạng xã hội Facebook, Zingme và Go.vn. Chỉ ra những mặt tích cực và tiêu cực khi giới trẻ tham gia vào mạng xã hội. Trình bày kinh nghiệm, giải pháp và mô hình quản lý giới trẻ Việt Nam sử dụng mạng xã hội. Tác giả Nguyễn Minh Hòa (2010) bài viết đã nêu lên những quan niệm truyền thống về mạng xã hội: đó là cách liên kết các cá nhân và cộng đồng lại dưới một kiểu nào đó để thể hiện một vài chức năng xã hội và mạng xã hội ảo – một xu hướng mới của xã hội công nghệ thông tin.

Và gần đây nhất, nhóm tác giả Nguyễn Duy Hiệp (2022) cùng cộng sự đã hoàn thành một đề tài nghiên cứu khảo sát trên 1929 thanh thiếu niên từ 15-30 tuổi sử dụng internet đã đưa ra một số con số thực trạng như sau:

Về số lượng các MXH được thanh thiếu niên sử dụng theo mức độ thường xuyên là Facebook, xếp thứ hai là YouTube và thứ 3 là Zalo. Tiếp đến, thanh thiếu niên đôi khi sử dụng TikTok và Instagram trong giao tiếp. Cuối cùng là một số MXH như Twitter, Skype.

Thời gian sử dụng MXH trung bình là 3 giờ đến 5 giờ/ngày chiếm tỷ lệ cao nhất (35,8%), tiếp đến từ 1 giờ đến 2 giờ/ngày

(23,9%), từ 6 giờ đến 8 giờ/ngày (19,7%), trên 8 giờ/ngày (12,0%) và dưới 1 giờ/ngày (7,4%). Nữ giới dành cho việc giao tiếp qua mạng xã hội nhiều hơn nam giới ở các mức giờ từ 3-5 giờ và 6-8 giờ. Có đến 37,7% thanh thiếu niên dành thời gian từ 1-5 giờ mỗi ngày để sử dụng Internet.

Lý do, động cơ chính để sử dụng MXH trong giao tiếp là Để tìm kiếm, liên lạc với bạn bè, người thân và để thư giãn, xả stress. Ngoài ra, lý do thanh thiếu niên giao tiếp qua mạng xã hội là để “học hỏi, tìm hiểu các kỹ năng sống”, “để học tập, làm việc, tìm kiếm tài liệu” hay để “cải thiện hình ảnh bản thân”, hoặc để chia sẻ cảm xúc.

Những nội dung được trao đổi chính trên MXH là “phim truyện”, “âm nhạc” và “sở thích”. Hơn 70% các đối tượng cho biết rằng họ thường xuyên/ luôn luôn giao tiếp trực tuyến về từng chủ đề trên. Các chủ đề được đánh giá ít thường xuyên giao tiếp, chia sẻ nhất là “chính trị”, “chuyện phiếm, tin đồn”, “tình yêu, tình dục, các vụ scandal”.

Tuy nhiên, các bạn trẻ cũng báo cáo có xu hướng quan tâm và bám vào đọc các tin trên MXH nếu tin đó có liên quan đến người nổi tiếng hoặc các hoạt động kinh doanh, buôn bán, mua sắm online. Các bạn trẻ cũng có xu hướng “đu trend” và cũng ý thức được những tác động tiêu cực của các trào lưu không lành mạnh dẫn đến lo lắng sợ hãi, cô sù ý việc bất chước, xu hướng sùng bái và nghiện quyền lực ảo.

Các hình thức tương tác với nhau trên MXH cũng đa dạng từ “nhắn tin cá nhân”, “nhắn tin nhóm”, “gọi video call cá nhân”, “gọi video tập thể”. Và các hình thức nhắn tin hoặc gọi video theo nhóm thì nữ thường có xu hướng sử dụng nhiều hơn nam.

Số lượng bạn bè được thanh thiếu niên duy trì tương tác trên MXH chỉ khoảng 150 người trong khi đó trung bình các bạn trẻ có khoảng 800 – 1000 bạn. Hơn 90% người được hỏi cho rằng họ thỉnh thoảng hoặc thường

xuyên giao tiếp trực tuyến với “bạn bè” “thầy cô giáo”, “gia đình” của mình, dù là nam hay nữ. Ngược lại, gần 60% thanh thiếu niên nói rằng họ chưa bao giờ trò chuyện trực tuyến với “người không quen biết qua mạng”, những người “không phải là bạn” hoặc những người mà chúng “chưa bao giờ gặp”.

Ngôn ngữ được thanh thiếu niên sử dụng để giao tiếp trên mạng xã hội hiện nay chủ yếu được sử dụng tiếng Việt theo cách riêng của giới trẻ là phổ biến nhất (sử dụng các biểu tượng và viết tắt). Thứ hai, thanh thiếu niên sử dụng ngôn ngữ “bằng tiếng lóng” với 41,2% thanh thiếu niên cho rằng thường xuyên sử dụng tiếng lóng khi giao tiếp qua mạng xã hội.

Đề tài nghiên cứu cũng cho thấy trong nhóm khách thể nghiên cứu có 27,5% khách thể đã từng trải nghiệm bắt nạt trực tuyến nhưng có 18,1% hiếm khi bị bắt nạt trực tuyến và 9,4% thanh thiếu niên thường xuyên bị bắt nạt trực tuyến khi thực hiện các hoạt động giao tiếp qua mạng xã hội. Còn với vai trò người chứng kiến, thì 72,4% tỷ lệ thanh thiếu niên từng chứng kiến vụ bắt nạt qua mạng xã hội. Trong đó, 11% thanh thiếu niên thường xuyên chứng kiến; 36,2% thi thoảng chứng kiến và 23,0% hiếm khi chứng kiến. Chỉ có 27,6% thanh thiếu niên cho rằng là chưa bao giờ chứng kiến vụ bắt nạt qua mạng xã hội.

Phần lớn thanh thiếu niên chưa xác định hoặc chưa nắm được các dấu hiệu để nhận biết một luồng thông tin là thật hay nguồn tin giả khi được đăng trên mạng xã hội dao động trong khoảng từ 35% đến 66,6%.

Về năng lực số nói chung của thanh thiếu niên trong sử dụng mạng xã hội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên 40% thanh thiếu niên đã có những kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng mạng xã hội một cách thuận tiện và hiệu quả. 65% thanh thiếu niên đã biết cách tìm kiếm các thông tin cơ bản trên MXH; 58% thanh thiếu niên có thể hướng dẫn người khác tìm kiếm các thông tin cơ bản trên mạng xã hội; 54% thanh thiếu niên có thể sử dụng MXH như một công cụ để tìm hiểu về các chủ đề liên quan

đến mình; 53.5% thanh thiếu niên có thể biết khi nào thông tin trên MXH mà tôi tìm được có liên quan đến nhu cầu của tôi hoặc 52,3% thanh thiếu niên có thể cùng lúc vừa tự tìm kiếm thông tin trên MXH, vừa giúp người khác thực hiện việc này...

2.3. Trước thực trạng trên, những khuyến nghị giải pháp có thể bao gồm:

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý nhà nước đối với mạng xã hội, cụ thể là xây dựng các văn bản hướng dẫn Luật Công nghệ thông tin, Luật Báo chí (2016) và Luật an ninh mạng (2017).

Xây dựng và triển khai bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội và cẩm nang hướng dẫn sử dụng lành mạnh cho các nhà cung cấp dịch vụ và người sử dụng mạng xã hội nhất quán và đồng bộ

Có cơ chế, kiểm soát thông tin trên các trang mạng xã hội như: Facebook, Youtube, Zalo, Tiktok... xác thực danh tính cá nhân trên MXH.

Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức của cộng đồng về những nguy cơ liên quan đến mạng xã hội như: bắt nạt trực tuyến, thông tin xấu độc, sử dụng trái phép thông tin cá nhân, tin giả, ...

Tiếp tục thành lập và duy trì hoạt động của các đơn vị trên không gian mạng nhằm kịp thời nắm bắt tư tưởng thanh niên, đấu tranh với những quan điểm, luận điệu sai trái trên mạng xã hội; tích cực đưa những thông tin tốt, những câu chuyện đẹp lên mạng xã hội.

Xây dựng công cụ quản lý, thu thập, phòng ngừa và cảnh báo; công cụ đánh giá định lượng truy cập website để làm căn cứ thực hiện các chính sách quản lý nhà nước về thông tin trên internet/mạng xã hội.

Xây dựng công cụ lọc và phát hiện tin giả, tin sai sự thật, công cụ đo lường theo thời gian thực mức độ lan truyền, phát tán những thông tin này trên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông trực tuyến khác nhằm chủ động ngăn chặn sự lan truyền và cảnh báo

sớm tin giả ngay khi nó xuất hiện trên mạng xã hội.

Quản lý chặt chẽ hơn đối với việc đăng kí tài khoản và sử dụng internet, mạng xã hội bằng những chính sách như: buộc phải đăng ký chính chủ qua việc xác minh số chứng minh nhân dân, thẻ căn cước; giới hạn thời gian sử dụng internet, mạng xã hội của thanh thiếu niên chưa đủ 18 tuổi;

Nghiên cứu để sớm bổ sung nội dung giảng dạy về tương tác trên mạng xã hội như một nội dung mở rộng đối với chương trình và tài liệu trong hệ thống giáo dục, đào tạo.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi sử dụng mạng xã hội tích cực, hiệu quả cho thanh niên. Giáo dục cho thanh niên kỹ năng quản lý thời gian một cách phù hợp để truy cập vào các trang mạng có hiệu quả, tránh lãng phí thời gian gây ảnh hưởng đến sức khỏe, công việc và học tập.

3. KẾT LUẬN

Dựa trên các bằng chứng nghiên cứu lý luận trong và ngoài nước, căn cứ trên việc phân tích số liệu thứ cấp một số đề tài có liên quan cập nhật đến năm 2022. Có thể đưa ra một số nhận định về thực trạng sử dụng MXH của thanh thiếu niên và một số khuyến nghị giải pháp.

Hầu hết thanh thiếu niên đều đang sử dụng ít nhất một mạng xã hội. Mạng xã hội được thanh thiếu niên sử dụng phổ biến nhất là Facebook; Youtube và Zalo và Tiktok ..., để giao tiếp với bạn bè qua mạng xã hội là phổ biến nhất của thanh thiếu niên.

Mục đích chính của thanh thiếu niên khi sử dụng mạng xã hội là kết nối và giữ liên lạc với bạn bè; cập nhật các tin tức mới; giải trí. Phương tiện dùng để vào mạng xã hội phổ biến nhất trong thanh thiếu niên là điện thoại di động. Đa số thanh thiếu niên sử dụng mạng xã hội lúc rảnh rỗi. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thanh thiếu niên sử dụng mạng xã hội vượt quá thời gian cho phép hoặc thực hiện hoạt động giao tiếp trong thời gian làm việc, học tập.

Đối tượng và phạm vi kết nối trên mạng xã hội của thanh thiếu niên được mở rộng không chỉ trong mối quan hệ gia đình, người thân, bạn bè thân thiết mà còn cả trong các đối tượng là người lạ, người không quen biết trên mạng xã hội... Thanh thiếu niên hiện nay có xu hướng cởi mở đối với việc kết bạn trên mạng xã hội và thể hiện thái độ thận trọng trong tình huống khi có người chưa quen biết muốn kết bạn, giao lưu trên mạng xã hội. Tuy nhiên đáng lưu ý, một tỉ lệ thanh thiếu niên còn có thái độ chủ quan, không tỏ ra lo lắng khi kết bạn với những người lạ, người không quen biết trên mạng xã hội.

Thanh niên có xu hướng quan tâm đến các nội dung liên quan đến lĩnh vực kinh tế, chính trị, các vấn đề xã hội, hoạt động xã hội, thiện nguyện và gương người tốt, việc tốt trên mạng xã hội. Thanh niên có xu hướng ít quan tâm đến các tin tức giật gân, không phù hợp chuẩn mực trên mạng xã hội.

Việc sử dụng mạng xã hội không phù hợp có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khoẻ thể chất, tâm thần và công việc của thanh niên, trong đó những dấu hiệu ảnh hưởng đến sức khoẻ tâm thần có biểu hiện rõ hơn. Khoảng từ 1/2 - 2/3 số thanh niên cảm nhận những dấu hiệu về sự lệ thuộc vào mạng xã hội cho thấy nguy cơ ảnh hưởng của nó đến đời sống sinh hoạt, lao động, học tập, sức khoẻ của thanh niên. Việc thanh niên sử dụng mạng xã hội trong thời gian dài và có sự lệ thuộc có thể gây nên những ảnh hưởng tiêu cực về mặt cảm xúc đối với thanh niên.

Trong quá trình sử dụng mạng xã hội, thanh niên được khảo sát đã từng chứng kiến, trải nghiệm các hiện tượng tiêu cực, ảnh hưởng không chỉ đến danh dự, nhân phẩm mà còn đến suy nghĩ, tâm trạng, sức khoẻ của thanh niên. Đa số thanh niên đã từng gặp phải nạn “tin giả” và nguy cơ tin giả cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tâm trạng của thanh niên khi sử dụng mạng xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Amichai-Hamburger, Y., Kingsbury, M., & Schneider, BH (2013). Friendship: An old concept with a new meaning? *Computers in human behavior*, 29 (1), 33-39.
- Boyd DM, Ellison NB. Social network sites: definition, history and scholarship. *J Comput-Mediat Commun*. 2007;13(1):210–30.
- Bryant JA, Sanders-Jackson A, Smallwood AMK. IMing, text messaging, and adolescent social networks. *J Comput Mediat Commun* 2006; 11: 577–92.
- Bùi, Hoài Sơn. (2006). Ảnh hưởng của Internet đối với thanh niên Hà Nội. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội
- Cummings, J., Lee, J.B. and Kraut, R. (2004) Communication Technology and Friendship during Transition from High School to College. In: R. Kraut, M. Brynin and S. Kiesler (Eds) *Domesticating information technology* (Oxford University Press: Oxford)
- Tanja Jadin, Timo Gnambs, Bernad Batinic, Personality traits and knowledge sharing in online communities, *Computers in Human Behavior* 29 (2013) 210–216
- Haythornthwaite, C. and Wellman, B. (2002) *The Internet in Everyday Life*. (Blackwell: Oxford)
- Hoàng Thị Hải Yến, (2012), “Trao đổi thông tin trên mạng xã hội của giới trẻ Việt Nam từ năm 2010 đến năm 2011 – thực trạng và giải pháp (khảo sát mạng Facebook, Zingme và Go.vn)
- Keating SR, McCurry MK. Systematic review of text messaging as an intervention for adolescent obesity. *J Am Assoc Nurse Pract*. 2015; 27:714–20.
- Lê Thu Quỳnh (2003). “Trào lưu mạng xã hội tại Việt Nam”
- Lenhart A. Teens (2015). social media and technology overview. Pew Research Center. April 9.
- Matos, M. G., Tinoco, V., Unkovska, L., Bogt, T., & Kuntsche, E. (2008). Peer Culture. In C. Currie et al. (eds), *Inequalities in Young People’s Health: Health Behaviour in School-Aged Children (HBSC)*

International Report from the 2005/2006 Survey (pp.17-56). Copenhagen, Denmark: WHO Regional Office for Europe.

Mesch, G. and Levanon, Y. (2003) Community networking and locally-based social ties in two suburban localities. *City and Community* 2:335–351.

Mesch, G. and Talmud, I. (2004) Homophily and Quality of Online and Offline Social Relationships among Adolescents (Minerva Center of Youth Studies: Haifa) (unpublished manuscript).

Mesch, GS (2009). Social context and choice of communication channels for teenagers. *Computers in human behavior*, 25 (1), 244-251

Ngô Lan Hương (2006). Đề tài: “Mạng xã hội với việc truyền tải thông tin trong lĩnh vực văn hoá - giải trí”

Nguyễn Thị Lan Hương, Thực trạng sử dụng mạng xã hội của thanh, thiếu niên ở Việt Nam hiện nay, *Tạp chí VHNT* số 407, tháng 5 - 2018

Nguyễn, Thị Hậu. (2013). *Mạng xã hội với giới trẻ thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn, Thị Phương Châm. (2013). *Internet: Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội

Nie, N.H., Hillyguss, S.S. and Erbring, L. (2002) Internet user, interpersonal relations and sociability: A time diary study. In: B. Wellman and C.Haythornthwaite (Eds) *The Internet in Everyday Life* (Blackwell: Oxford), pp. 215–244

Pierce, T., (2009) Social and Technology Anxiety: Face-to-Face vs. Technology Communication among Teenagers. *Computers in human behavior* 25, 1367–137

Stoller, E.P., Miller, B., and Guo, S. (2001) Shared Ethnicity and Relationship Multiplexity within Informal Networks of Retired European American Sunbelt Migrants. *Research in Aging* 23:304–325

Subrahmanyam K, Smahel D, Greenfield P. Connecting developmental constructions to the internet: Identity presentation and sexual exploration in online teen chatrooms. *Dev Psychol* 2006; 42:395–406.

Subrahmanyam, K., & Greenfield, P. (2008). Online communication and adolescent relationships. *The Future of Children*, 18(1), 119–146.

Valkenburg PM, Peter J. The effects of instant messaging on the quality of adolescents' existing friendships: A longitudinal study. *J Commun* 2009;59: 79–97.

Valkenburg, P. M., & Peter, J. (2011). Online communication among adolescents: An integrated model of its attraction, opportunities, and risks. *Journal of Adolescent Health*, 48(2), 121–127.

Wolak J, Finkelhor D, Mitchell KJ, Ybarra ML. Online “predators” and their victims—Myths, realities, and implications for prevention and treatment. *Am Psychol* 2008

Wolak, J., Mitchell, K.J. and Finkelhor, D. (2003) Escaping or connecting? Characteristics of youth who form close online relationships. *Journal of Adolescence* 26:105–119.